

BIỂN, ĐẢO VIỆT NAM

TÊN GỌI CÁC ĐẢO Ở HOÀNG SA

Nguyễn Quang Trung Tiến*

Hoàng Sa là một trong những quần đảo quan trọng của Việt Nam trên biển Đông, gắn liền chủ quyền khai thác và quản lý qua nhiều chế độ kể từ thế kỷ XVI đến nay. Bên cạnh đó, việc di chuyển bằng đường hàng hải giữa các khu vực thuộc vành đai Thái Bình Dương với Đông Nam Á, Ấn Độ, Tây Á, Địa Trung Hải và cả châu Úc từ xưa cũng thường xuyên diễn ra ở vùng biển này. Do vậy, tên gọi các đảo, đá, bãi, nhóm đảo, quần đảo có từ nhiều nguồn gốc và xuất hiện sớm muộn khác nhau. Đó cũng là lý do khiến tên các đảo ở Hoàng Sa hiện nay được gọi theo nhiều cách, và chưa ai giải thích đầy đủ nguồn gốc cũng như thời điểm xuất hiện tất cả tên gọi của các đảo.



Các đảo và bãi ngầm chính ở hai nhóm Nguyệt Thiềm và An Vĩnh trong quần đảo Hoàng Sa (Nguồn: www.vnafmamn.com)

Trên các hải đồ quốc tế, Bãi Cát Vàng của Việt Nam được các nhà vẽ bản đồ của phương Tây ghi là Pracel, Paracel islands hay Paracels. Tên Pracel/Paracel đã được dùng trong bản đồ của Diego Ribeiro năm 1529, Bartholomeu Velho năm 1560, Liveo da Marinharia năm 1560, Lazaro Luis năm 1563, Frères Van Langren năm 1595, Plancius năm 1604, Mercator năm 1613... Theo Pierre Yves Manguin, chữ Parcel (cũng ghi là Pracel) là tiếng Bồ Đào Nha cổ, nghĩa là đá ngầm (récif) hay cao tảng (haut-font). Còn A. Brébion lại cho rằng một thương thuyền Hà Lan thuộc Công ty Đông Ấn tên Paracelsse bị đắm tại vùng biển này vào thế kỷ XVI, nên người phương Tây gọi quần đảo này là Paracel.⁽³⁾

Về tên gọi quần đảo Hoàng Sa, tài liệu cổ của Việt Nam⁽¹⁾ cho biết từ thế kỷ XVII trở về trước người Việt đã gọi là Bãi Cát Vàng hoặc Cồn Vàng. Theo nhiều nhà nghiên cứu, tên gọi này xuất phát từ đặc điểm chung quanh các đảo, nhất là đảo Quang Hòa, bãi cát thường có màu vàng, thậm chí có thể nhìn thông suốt đến đáy các nền lòng chảo san hô và thấy cát vàng ở dưới vào những ngày biển lặng. Tên chữ của Bãi Cát Vàng được dùng nhiều về sau là Đại Trường Sa, Hoàng Sa Châu, Hoàng Sa Chủ, Hoàng Sa.⁽²⁾

* Trường Đại học Khoa học Huế.

Đối với người Trung Quốc, do ít có sự gắn bó với vùng biển này, nên họ gọi quần đảo Hoàng Sa bằng rất nhiều tên, thay đổi một cách bất nhất và chỉ mới từ năm 1907, họ gọi là Hsisha hay Xisha Qundao (Tây Sa quần đảo).⁽⁴⁾

Đối với tên gọi các nhóm đảo, đảo, đá, bãi thuộc quần đảo Hoàng Sa, mặc dù các nhà hàng hải phương Tây đã biết nhiều về quần đảo này từ thế kỷ XVI, nhưng mãi đến nửa sau thế kỷ XVIII, tên gọi và đặc điểm các đảo, đá, bãi ngầm trong quần đảo vẫn chưa được nhận thức đầy đủ, nhất là khu vực nhóm đảo Nguyệt Thiềm.



Nhóm đảo Nguyệt Thiềm nhìn từ máy bay năm 2007
(Nguồn: www.wikiwak.com)

Đầu thế kỷ XIX, từ thực tế có khá nhiều tàu thuyền hay gặp nạn ở Hoàng Sa, nên vào năm 1807, Công ty Đông Ấn của Anh ở Bombay đã cử nhà bản đồ học Daniel Ross sang trình triều đình Huế thư giới thiệu của công ty để xin phép khảo sát khu vực biển Đông và quần đảo Hoàng Sa. Đoàn khảo sát mang theo hai chiếc thuyền, trong đó chiếc Discovery do Daniel Ross làm thuyền trưởng và chiếc Antelope do Philips Maughan làm thuyền trưởng. Trong những năm 1807-1810, Daniel Ross lần lượt khảo sát

và đo đạc vùng biển sát phía đông nam Trung Quốc năm 1807, khu vực quần đảo Hoàng Sa năm 1808, một phần bờ biển và các đảo thuộc miền Trung và miền Nam của Việt Nam năm 1809, vùng đảo Palawan gần Philippines năm 1810.

Tại khu vực Hoàng Sa, Daniel Ross đã khảo sát tỷ mỉ với sự hướng dẫn của vài người bản địa, vẽ thành bản đồ khá chính xác, đặt thêm một số tên đảo, và về sau bản đồ này được James Horsburgh ấn hành năm 1815.

Nhóm đảo Nguyệt Thiềm có tên thuần Việt là Trăng Khuyết hay Lưỡi Liềm, cũng gọi là Nhóm Tây, tên tiếng Anh (A) là Crescent Group, tên tiếng Pháp (P) là Croissant groupe, hiện nay Trung Quốc gọi là Yongle Qundao (Vĩnh Lạc quần đảo), nằm về phía tây nam, gần đất liền của Việt Nam, ở tọa độ 16°31' vĩ độ bắc và 111°38' kinh độ đông. Tên Nguyệt Thiềm rõ ràng xuất phát từ vị trí các đảo nằm nối nhau như hình mặt trăng lưỡi liềm mà có. Có lẽ cũng vì đặc điểm đó và học theo cách gọi của người Việt, Daniel Ross đặt tên nhóm đảo này trong bản đồ là Crescent (Lưỡi Liềm).

Khu vực nhóm Nguyệt Thiềm gồm 7 đảo chính là Hoàng Sa, Hữu Nhật, Duy Mộng, Quang Ảnh, Quang Hòa, Bạch Quy, Tri Tôn và các bãi ngầm

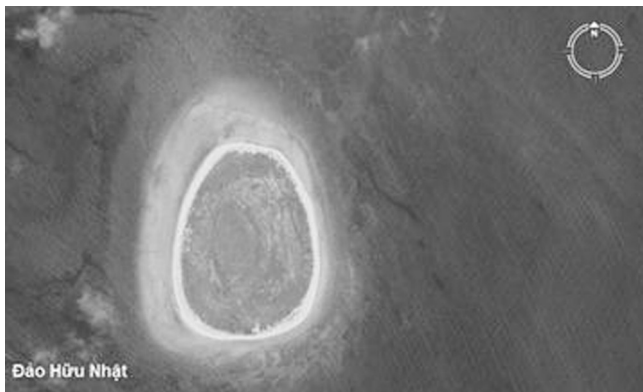
cùng vô số mỏm đá.⁽⁵⁾ Vậy tên các đảo trong nhóm Nguyệt Thiềm bắt nguồn từ đâu?



Đảo Hoàng Sa nhìn từ vệ tinh năm 2009
(Nguồn: www.vi.wikipedia.org)

Tự mà không rõ nghĩa)? Cũng có ý kiến cho rằng Daniel Ross đặt như thế để vinh danh giám đốc Công ty Đông Ấn của Anh giai đoạn 1787-1795 là Thomas Pattle (1748-1818).

Đảo Hữu Nhật còn có tên Robert Island (A), Île Robert (P), hiện nay Trung Quốc gọi là Guanquan Dao (Cam Tuyền đảo), nằm ở tọa độ 16°31' vĩ độ bắc và 111°34' kinh độ đông. Tên Hữu Nhật ra đời giữa thế kỷ XIX, gắn liền với một nhân vật dưới thời Nguyễn.



Đảo Hữu Nhật nhìn từ vệ tinh năm 2009
(Nguồn: www.vi.wikipedia.org)

Đảo Hoàng Sa còn có tên là Pattle Island (A), Île Pattle (P), hiện nay Trung Quốc gọi là Shanhu Dao (San Hồ đảo), nằm ở tọa độ 16°32' vĩ độ bắc và 111°36' kinh độ đông. Thư tịch cổ Việt Nam cho biết tên xưa của đảo Hoàng Sa trước thời Nguyễn là núi Phật Tự.⁽⁶⁾ Còn chính Daniel Ross sau chuyến khảo sát đã đặt tên tiếng Anh trên bản đồ cho đảo là Pattles.⁽⁷⁾

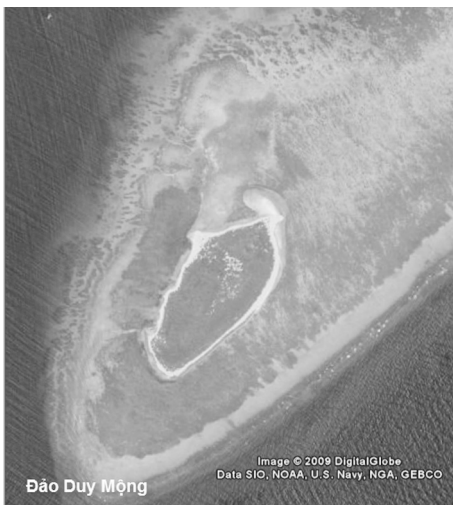
Phải chăng từ cách gọi Phật Tự mà tên đảo được phiên âm thành tên quốc tế là Pattle (một từ có âm gần giống Phật

Phạm Hữu Nhật (1804-1854) đi lính thủy quân của triều Nguyễn, húy danh là Phạm Văn Triều, con ông Phạm Văn Nhiên và bà Dương Thị Lăng, là thế hệ thứ tư của thủy tổ họ Phạm Văn ở cù lao Ré, nay thuộc thôn Đông, xã An Vĩnh, huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Năm 1836, vua Minh Mạng cử Chánh đội trưởng Suất đội thủy quân là Phạm Hữu Nhật ra quản đảo Hoàng Sa để đo đạc hải trình, cắm

mốc và vẽ bản đồ các đảo. Khi nhận lệnh vua, ông sai mỗi binh thuyền đem theo 10 cái bài gỗ loại rộng 5 tấc, dài 5 thước, dày 1 tấc, trên khắc dòng chữ: *Minh Mạng thập thất niên, Binh Thân, Thủy quân Chánh đội trưởng*

Suất đội Phạm Hữu Nhật phụng mệnh vãng Hoàng Sa tương độ chí thử lưu đăng tự [Năm Minh Mạng thứ 17, Bính Thân (1836), Thủy quân Chánh đội trưởng Suất đội Phạm Hữu Nhật vãng mệnh đi Hoàng Sa xem xét đo đạc đến đây để ghi nhớ]. Do có nhiều công lao trong việc khám đạc Hoàng Sa nhiều lần, nên sau khi mất trong một lần ra biển năm 1854, tên ông được đặt cho đảo.

Trong khi đó, qua chuyến khảo sát đầu thế kỷ XIX, Daniel Ross đã đặt tên tiếng Anh trên bản đồ cho đảo là Roberts.⁽⁸⁾ Có ý kiến cho rằng đó là tên người bạn sinh ra ở Ấn Độ của Daniel Ross là Robert Grant (1779-1838), vốn là một luật sư và nhà chính trị, con trai của chủ tịch Công ty Đông Ấn Charles Grant.



Đảo Duy Mộng nhìn từ vệ tinh năm 2009. (Nguồn: www.vi.wikipedia.org)

Về đảo Duy Mộng, vốn còn có tên là Drummond Island (A), Île Drummond (P), hiện nay Trung Quốc gọi là Jinqing Dao (Tấn Khanh đảo), nằm ở tọa độ 16°28' vĩ độ bắc và 111°44' kinh độ đông. Sau chuyến khảo sát, Daniel Ross đặt tên đảo này trên bản đồ là Drummonds.⁽⁹⁾ Có ý kiến cho rằng Daniel Ross đã lấy tên một quan chức tài chính của công ty này là James Drummond bị chết trên một con tàu của Công ty Đông Ấn năm 1812 để đặt cho đảo. Nếu như thế, tên Duy Mộng có thể phiên âm từ Drummond mà thành.

Đối với đảo Quang Ảnh, còn có tên là Money Island (A), Île Money (P), hiện nay Trung Quốc gọi là Jinyin Dao (Kim Ngân đảo), nằm ở tọa độ 16°50' vĩ độ bắc và 112°20' kinh độ đông.

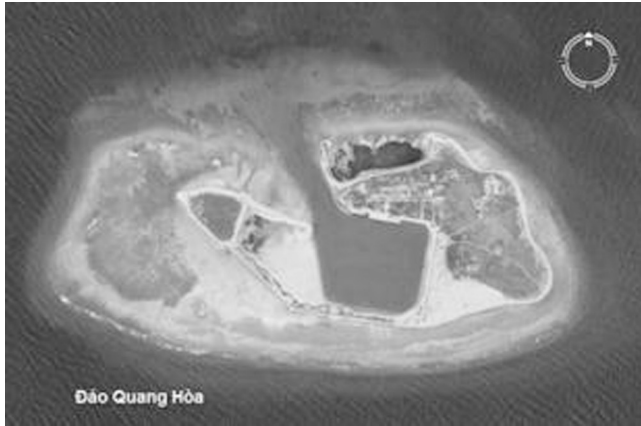
Tên Quang Ảnh liên quan đến một nhân vật trong đội Hoàng Sa thời Nguyễn, quê ở Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, đó là Phạm Quang Ảnh.



Đảo Quang Ảnh nhìn từ vệ tinh năm 2009 (Nguồn: www.vi.wikipedia.org)

Vào năm 1815, vua Gia Long từng phái Đội trưởng đội Hoàng Sa là Phạm Quang Ảnh đem hải đội ra Hoàng Sa xem xét, đo đạc hải trình, thu hồi hải vật. Năm 1816, Phạm Quang Ảnh lại tiếp tục được phái đi. Về sau, trong một lần đi Hoàng Sa, Phạm Quang Ảnh cùng 24 dân binh gặp bão, mất tích giữa biển. Để ghi nhớ công lao, tên ông được đặt cho đảo này. Phạm Quang Ảnh được thờ ở từ đường tộc Phạm Quang tại thôn Đông, xã An Vĩnh, huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Trong bản đồ của mình, Daniel Ross đặt tên đảo là Moneys.⁽¹⁰⁾ Tên Money có thể lấy từ William Money cha (1738-1796), hoặc con là William Taylor Money (1769-1834), đều là thuyền trưởng và lần lượt làm giám đốc Công ty Đông Ấn của Anh.



Đảo Quang Hòa nhìn từ vệ tinh năm 2009.
(Nguồn: www.vi.wikipedia.org)



Đảo Bạch Quy nhìn từ vệ tinh năm 2009.
(Nguồn: www.vi.wikipedia.org)

Đảo), nằm ở tọa độ $15^{\circ}47'$ vĩ độ bắc và $111^{\circ}12'$ kinh độ đông, gần bờ biển Việt Nam nhất so với các đảo khác của Hoàng Sa. Tên gọi đảo này có thể được đặt theo tên chiếc thuyền Triton do John Brown làm thuyền trưởng đã tiếp cận đảo vào ngày 13/11/1804.⁽¹²⁾ Bản đồ Hoàng Sa do Daniel Ross vẽ ghi tên đảo này là Ship Triton. Như vậy, tên gọi Tri Tôn có lẽ là phiên âm từ tên tiếng Anh.

Vào nửa sau thế kỷ XVIII, trong lúc nhóm đảo Nguyệt Thiềm ở phía tây nam quần đảo Hoàng Sa vẫn còn chưa chuẩn xác trong ghi chép của

Đảo Quang Hòa còn có tên là Duncan Island (A), Île Duncan (P), hiện nay Trung Quốc gọi là Chenhang Dao (Sâm Hàng/Thâm Hàng đảo), nằm ở tọa độ $16^{\circ}27'$ vĩ độ bắc và $111^{\circ}42'$ kinh độ đông. Bản đồ của Daniel Ross đặt tên đảo là Governor Duncans.⁽¹¹⁾ Có ý kiến cho rằng Daniel Ross đặt thế để vinh danh Jonathan Duncan (1756-1811) là Thống đốc Bombay ở Ấn Độ từ 1795 đến 1811.

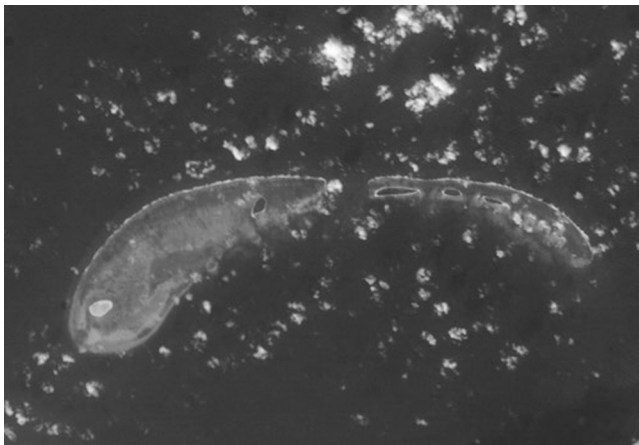
Đảo Bạch Quy còn có tên là Đá Rùa Trắng, Passu Keah Island (A), hiện nay Trung Quốc gọi là Panshi Yu (Bàn Thạch Dữ), nằm ở tọa độ $16^{\circ}03'$ vĩ độ bắc và $111^{\circ}47'$ kinh độ đông. Bản đồ Hoàng Sa do Daniel Ross vẽ năm 1808 và công bố năm 1815 ghi tên đảo là Passoo Keah. Đảo là một dải san hô, có hình bầu dục, chỉ thật sự nổi hẳn lên khỏi mặt nước khi thủy triều xuống, địa thế trở trọi, rất khó sinh tồn.

Đảo Tri Tôn còn có tên là Triton Island (A), Île Triton (P), hiện nay Trung Quốc gọi là Zhongjian Dao (Trung Kiến



Đảo Tri Tôn nhìn từ vệ tinh năm 2009.
(Nguồn: www.vi.wikipedia.org)

bắc quần đảo Hoàng Sa, ở tọa độ $16^{\circ}53'$ vĩ độ bắc và $112^{\circ}17'$ kinh độ đông. Tên gọi An Vĩnh xuất phát từ việc khai thác, quản lý Hoàng Sa dưới thời chúa Nguyễn, vua Nguyễn mà có.



Nhóm đảo An Vĩnh nhìn từ vệ tinh năm 2002.
(Nguồn: www.oceandots.com)

ràng buộc nghĩa vụ với làng gốc. Những người tham gia vào đội Hoàng Sa thời các chúa Nguyễn cũng chủ yếu lấy từ làng gốc.

Thời vương triều Nguyễn, năm 1804, hai phường An Vĩnh và An Hải được tách ra thành các đơn vị hành chính độc lập với làng gốc. Từ đó, nghĩa vụ đi Hoàng Sa thường do dân ở phường An Vĩnh (cùng dân phường An Hải) trên đảo Lý Sơn thực hiện. Đội Hoàng Sa đầu triều Nguyễn gồm 70 người, có lấy dân xã An Vĩnh (làng gốc-NQTT) sung vào, hàng năm cứ đến tháng ba đi thuyền ra khai thác sản vật trên các đảo cho triều đình, đến tháng tám thì về. Những nhân vật nổi tiếng về việc chinh phục quần đảo gắn liền với đội Hoàng Sa như Phạm Quang Anh, Phạm Hữu Nhật, Võ Văn Khiết,

các nhà hàng hải phương Tây, thì ngược lại, nhóm đảo An Vĩnh ở phía đông bắc lại được họ biết đến khá nhiều dưới cái tên Nhóm đảo Tam giác (Les Triangles). Tên Tam giác xuất phát từ vị trí các đảo trong nhóm sắp theo hình tam giác, đến thế kỷ XVIII thì ít người dùng đến tên gọi này nữa.

Nhóm đảo An Vĩnh còn được gọi là Nhóm Bắc, Amphitrite Group (A), Amphitrite groupe (P), hiện nay Trung Quốc gọi là Xuande Qundao (Tuyên Đức quần đảo), nằm về hướng đông

Nguyên xã An Vĩnh nằm ở đất liền, mạn nam cửa biển Sa Kỳ, tỉnh Quảng Ngãi. Thời các chúa Nguyễn, An Vĩnh thuộc huyện Bình Sơn. Trong khoảng thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XIX, 6 họ tộc xã An Vĩnh ở đất liền đều có con em ra đảo Lý Sơn khai khẩn (cùng với dân xã An Hải ở mạn bắc cửa biển Sa Kỳ và dân các nơi khác), lập thành hai phường An Vĩnh và An Hải. Dân phường An Vĩnh (và An Hải) dù sinh ra và lớn lên ở Lý Sơn, nhưng vẫn chịu

Võ Văn Hùng, Phạm Văn Sanh, Phạm Văn Nhiên, Phạm Văn Nguyên, cùng rất nhiều người vô danh khác đều là con dân An Vĩnh.

Thời Pháp thuộc, năm 1899 châu Sơn Tịnh được thành lập, sau đổi thành huyện Sơn Tịnh, vốn tách ra từ huyện Bình Sơn. Vì thế, xã An Vĩnh thuộc huyện Sơn Tịnh. Cũng vào năm 1899, tổng Lý Sơn được thành lập, trực thuộc huyện Bình Sơn, gồm 2 xã An Vĩnh và An Hải vốn từ 2 phường trên đảo Lý Sơn đổi thành xã.

Hiện nay, xã An Vĩnh xưa trên đất liền (gốc) được gọi là thôn An Vĩnh thuộc xã Tịnh Kỳ, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi. Còn phường An Vĩnh xưa trên đảo Lý Sơn được gọi là xã An Vĩnh thuộc huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Chính từ sự ghi nhận những đóng góp to lớn của dân xã An Vĩnh và phường An Vĩnh thời chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn, mà tên An Vĩnh được dùng để đặt tên cho nhóm đảo này.

Đối với tên gọi Amphitrite, đây là tên chiếc tàu chiến của Pháp vào biển Đông để đến Trung Quốc cuối thế kỷ XVII. Các giáo sĩ thuộc Hội Thừa sai Paris cũng đã đi tàu Amphitrite ngang qua phía đông quần đảo Hoàng Sa đến Trung Quốc năm 1701 và có nhiều ghi chép về quần đảo này. Vì thế, các nhà hàng hải quốc tế đã gọi nhóm đảo này theo tên chiếc tàu.⁽¹³⁾

Nhóm đảo An Vĩnh bao gồm các đảo tương đối lớn và cao nhất trong các đảo của Hoàng Sa, và cũng là các đảo san hô lớn nhất biển Đông, như đảo Phú Lâm, đảo Cây, đảo Linh Côn, đảo Trung, đảo Bắc, đảo Nam, đảo Hòn Đá.



Đảo Phú Lâm nhìn từ vệ tinh năm 2009.
(Nguồn: www.vi.wikipedia.org)

mang tên là Phú Lâm (cây cối um tùm). Ở thế kỷ XIX, James Horsburgh cũng giải thích rằng đảo mang tên Woody do có nhiều cây cối bao phủ, trong đó có một số cây dừa.⁽¹⁴⁾

Đảo Phú Lâm còn có tên là Woody Island (A), Île Boisée (P), hiện nay Trung Quốc gọi là Yongxing Dao (Vĩnh Hưng đảo), nằm cạnh đảo Hòn Đá, cách đảo Hoàng Sa khoảng 87km, ở tọa độ 16°50' vĩ độ bắc và 112°20' kinh độ đông. Phú Lâm là đảo quan trọng nhất của nhóm đảo An Vĩnh, dài 1,7km, chiều ngang 1,2km, diện tích chừng 1,3km². Trên đảo có nước ngọt, nhiều cây cối và chim biển sinh sống, tạo nên lớp phân chim dày.

Với đặc điểm nhiều cây cối bao phủ trên đảo, nên đảo được



Đảo Linh Côn nhìn từ vệ tinh năm 2009.
(Nguồn: www.vi.wikipedia.org)

Đảo Linh Côn còn có tên là Lincoln Island (A), Île Lincoln (P), hiện nay Trung Quốc gọi là Dong Dao (Đông đảo), nằm về phía cực đông của nhóm đảo An Vĩnh, ở tọa độ 16°40' vĩ độ bắc và 112°44' kinh độ đông. D'Apres de Manneville cho biết đảo Linh Côn được đặt theo tên chiếc thuyền Le Comte de Lincoln đã phát hiện một số đảo ở nhóm An Vĩnh vào năm 1764.⁽¹⁵⁾ Như vậy, nhiều khả năng tên gọi Linh Côn được phiên âm từ tên Lincoln.



Đảo Cây nhìn từ vệ tinh năm 2009
(Nguồn: www.vi.wikipedia.org)

Đảo Cây còn có tên là Cù Mộc, Tree Island (A), Île Arbre (P), hiện nay Trung Quốc gọi là Zhaoshu Dao (Triệu Thuật đảo), nằm ở tọa độ 16°59' vĩ độ bắc và 112°16' kinh độ đông. Từ thế kỷ XIX, James Horsburgh đã giải thích đảo Cây được đặt tên do ở cực tây đảo mọc duy nhất một cây dừa.⁽¹⁶⁾ Không rõ tên đảo Cây của Việt Nam có trước, hay tên gọi Tree Island, nhưng cả hai đều cùng một nghĩa, và những tên gọi khác cũng như vậy.

Đảo Trung còn gọi là đảo Giữa, Middle Island (A), Île du Milieu (P), hiện nay Trung Quốc gọi là Zhong Dao (Trung đảo), nằm ở tọa độ 16°57' vĩ độ bắc và 112°19' kinh độ đông. Tên đảo Trung là do vị trí của đảo nằm giữa đảo Bắc và đảo Nam. Tên gọi này cả 4 thứ tiếng nói trên đều cùng nghĩa với nhau.

Đảo Bắc còn có tên là North Island (A), Île du Nord (P), hiện nay Trung Quốc gọi là Bei Dao (Bắc đảo), nằm ở tọa độ 16°58' vĩ độ bắc và 112°18' kinh độ đông. Đảo Bắc được đặt tên do vị trí hơi chệch về hướng tây bắc của nhóm đảo. Cả 4 thứ tiếng nói trên đều cùng nghĩa với nhau.

Đảo Nam còn có tên South Island (A), Île du Sud (P), hiện nay Trung Quốc gọi là Nan Dao (Nam đảo), nằm ở tọa độ 16°57' vĩ độ bắc và 112°19' kinh độ đông. Đảo Nam được đặt tên do vị trí nằm dưới đảo Trung một chút về phía nam. Cả 4 thứ tiếng nói trên đều cùng nghĩa với nhau.



Đảo Hòn Đá nhìn từ vệ tinh năm 2009
(Nguồn: www.vi.wikipedia.org)

Đảo Hòn Đá còn có tên Rocky Island (A), Île Rocheuse (P), hiện nay Trung Quốc gọi là Shi Dao (Thạch đảo), nằm ở tọa độ 16°51' vĩ độ bắc và 112°21' kinh độ đông. Tên gọi Hòn Đá là do đảo được cấu thành từ những tảng đá lớn nổi trên mặt biển. Cả 4 thứ tiếng nói trên đều cùng nghĩa với nhau.

Trong vùng biển quần đảo Hoàng Sa, xen lẫn hai nhóm đảo Nguyệt Thiềm và An Vĩnh còn gồm rất nhiều đá, cồn, bãi

ngầm, bãi cạn. Những đá, bãi, hay vùng nước cạn này vừa nên thơ lại vừa hết sức nguy hiểm, bởi khi thời tiết tốt, mặt biển phẳng lặng và bình yên; nhưng khi đêm tối hay thời tiết xấu, sóng gió nổi lên, chúng trở thành “những con quỷ dữ” sẵn sàng nuốt chửng tàu thuyền qua lại.

Do có nhiều bãi đá ngầm, nên trong lịch sử đã có nhiều vụ đắm tàu xảy ra tại đây. Chẳng hạn dưới thời chúa Nguyễn Phúc Nguyên, vào cuối tháng 7/1634 chiếc thuyền Grootebroek thuộc Công ty Đông Ấn của Hà Lan đi từ Batavia (thuộc Indonesia) sang Đài Loan đã bị đắm ở gần quần đảo Hoàng Sa cùng với số hàng hóa lớn và có 9 thủy thủ mất tích.⁽¹⁷⁾

Năm 1714, có 3 chiếc thuyền buồm của Hà Lan từ Nhật Bản đi ngang Hoàng Sa bị bão, cột buồm một thuyền bị đánh gãy, dạt vào bãi cát và bị đá ngầm làm vỡ nát thuyền, khiến 17 người chết, còn 87 người sống sót phải ẩn náu trên đảo hơn cả tháng trời mới vào bờ được.

Liên tục trong nhiều thế kỷ sau đó, tàu thuyền thường xuyên gặp tai nạn ở khu vực này; như năm 1748 chiếc Scarborough chạy ban đêm bị va



Côn Bằng Bay nhìn từ vệ tinh năm 2002
(Nguồn: www.oceandots.com)

vào đá ngầm trong bãi,⁽¹⁸⁾ năm 1891 tàu của Đức là Mariana đắm gần Côn Bằng Bay, năm 1895 chiếc Bellona gặp nạn, năm 1896 tàu Nhật là Imezi Maru bị mất tích, năm 1910 tàu Colombo mắc cạn, năm 1915 tàu Quinta bị mất tích...

Tên gọi những đá, cồn, bãi trong khu vực biển Hoàng Sa cũng hết sức đa dạng, nhưng có nhiều tên rất khó xác minh được nguồn gốc. Những tên gọi có xuất xứ gồm:

Đá Nam, còn có tên là Cồn Cát Nam, South Sand (A), hiện nay Trung Quốc gọi là Nan Shazhou (Nam Sa Châu), nằm ở tọa độ 16°56' vĩ độ bắc và 112°20' kinh độ đông. Tên được đặt do vị trí hơi chệch về hướng nam của nhóm đảo. Các tên gọi nói trên đều cùng nghĩa với nhau.

Đá Tây, còn có tên là Cồn Cát Tây, West Sand (A), hiện nay Trung Quốc gọi là Xi Shazhou (Tây Sa Châu), nằm ở tọa độ 16°58' vĩ độ bắc và 112°12' kinh độ đông. Đá Tây được đặt tên do vị trí hơi chệch về hướng tây của nhóm đảo. Các tên gọi nói trên đều cùng nghĩa với nhau.

Đá Tháp, còn có tên là Hòn Tháp, Pyramid Rock (A), hiện nay Trung Quốc gọi là Gaojianshi (Cao Tiêm Thạch), nằm ở tọa độ 16°34' vĩ độ bắc và 112°38' kinh độ đông. Các tên gọi nói trên đều cùng nghĩa với nhau.

Đá Bông Bay, còn có tên là Cồn Bông Bay, Bombay Reef (A), hiện nay Trung Quốc gọi là Langua Jiao (Lãng Hoa Tiêu), nằm ở tọa độ 16°02' vĩ độ bắc và 112°32' kinh độ đông. Tên Bombay có thể được đặt theo chiếc thương thuyền Bombay đã nhìn thấy đảo này vào năm 1800,⁽¹⁹⁾ còn tên Bông Bay là phiên âm từ Bombay mà thành.

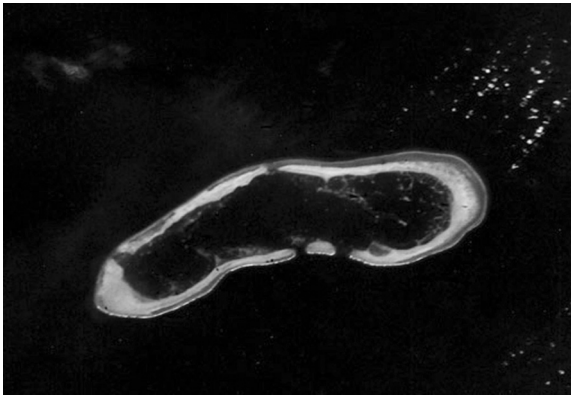


Đá Chim Yến nhìn từ vệ tinh năm 2005
(Nguồn: www.oceandots.com)

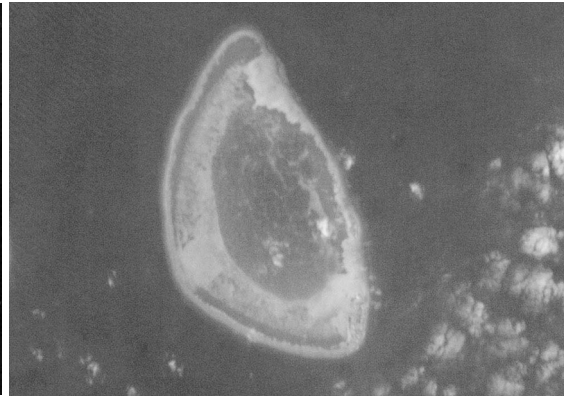
Đá Chim Yến, Vuladdore Reef (A), hiện nay Trung Quốc gọi là Yuzhuo Jiao (Ngọc Trác Tiêu), ở tọa độ 16°20' vĩ độ bắc và 112°01' kinh độ đông. Bãi Vuladdore nằm cách nhóm Nguyệt Thiềm chừng 20 hải lý về hướng đông nam. Tên Vuladdore được đặt theo chiếc thuyền Snow Vulador của Bồ Đào Nha trong hành trình từ Macao đi Manila đã nhìn thấy đảo này vào ngày 21/7/1807.⁽²⁰⁾

Đá Lồi, còn có tên là Bãi ngầm Khám phá, Discovery Reef (A), Découverte (P), hiện nay Trung Quốc gọi là Huaguang Jiao (Hoa Quang Tiêu), nằm ở tọa độ 16°14' vĩ độ bắc và 111°41' kinh độ đông. Đây là bãi ngầm lớn nhất trong quần đảo với một vòng san hô bao quanh chiều dài tới 15 hải lý, bề ngang chừng 5 hải lý. Có lẽ tên Discovery được đặt theo con thuyền Discovery do Daniel Ross làm thuyền trưởng đi vẽ bản đồ biển Đông từ 1807 đến 1810. Cũng vì thế, tên gọi Khám phá là dịch nghĩa từ tên Discovery; còn tên Đá Lồi là do đặc điểm bãi đá này lồi lên giữa biển Hoàng Sa.

Đá Hải Sâm, còn có tên là Bãi Sơn Dương, Antelope Reef (A), hiện nay Trung Quốc gọi là Lingyang Jiao (Linh Dương Tiêu), nằm về phía nam đảo Hữu Nhật và phía đông đảo Quang Ảnh, ở tọa độ 16°28' vĩ độ bắc và 111°34' kinh độ đông, toàn san hô ngầm chưa nổi lên mặt nước. Có lẽ tên bãi đá



Bãi ngằm Khâm phá nhìn từ vệ tinh năm 2005
(Nguồn: www.oceandots.com)



Đá Hải Sâm nhìn từ vệ tinh
(Nguồn: www.wikiwak.com)

này được đặt theo tên con thuyền Antelope do Philips Maughan làm thuyền trưởng đi cùng thuyền Discovery do Daniel Ross làm thuyền trưởng vẽ bản đồ Hoàng Sa từ 1807 đến 1810.

Bãi ngằm Bắc, cũng gọi là Côn Bắc, North Reef (A), hiện nay Trung Quốc gọi là Bei Jiao (Bắc Tiêu) nằm ở tọa độ $17^{\circ}06'$ vĩ độ bắc và $111^{\circ}30'$ kinh độ đông. Tên gọi do vị trí mà có, nên các cách gọi trên đều cùng nghĩa với nhau.

Côn Xà Cừ, còn gọi là Côn Quan Sát, Bãi Quan Sát, Observation Bank (A), hiện nay Trung Quốc gọi là Yin Yu (Quan Sát Than), nằm ở tọa độ $16^{\circ}35'$ vĩ độ bắc và $111^{\circ}42'$ kinh độ đông. Tên Xà Cừ được đặt theo sản vật ốc xà cừ có nhiều ở địa điểm này.

Bãi Quảng Ngãi, Jehangir Bank/Jehangire Reef (A), nằm ở tọa độ $16^{\circ}21'$ vĩ độ bắc và $112^{\circ}40'$. Quảng Ngãi là tên địa phương có đội Hoàng Sa và Bắc Hải chuyên thay mặt nhà nước khai thác quần đảo này từ thời chúa Nguyễn; còn tên Jehangire thì được đặt theo chiếc tàu nhìn thấy bãi ngằm này vào 25/10/1806.

Bên cạnh những tên gọi ít nhiều có thể giải thích ý nghĩa, thì có nhiều bãi tuy được mang nhiều tên, nhưng vẫn chưa rõ nguồn gốc tên gọi, như: Bãi Ốc Tai Voi, Herald Bank (A), hiện nay Trung Quốc gọi là Songtao Tan (Tung Đảo Than), nằm ở tọa độ $15^{\circ}44'$ vĩ độ bắc và $112^{\circ}14'$ kinh độ đông; Bãi ngằm Châu Nhai, Bremen Bank (A), hiện nay Trung Quốc gọi là Binmei Tan (Tân Mê Than), nằm ở tọa độ $16^{\circ}18'$ vĩ độ bắc và $112^{\circ}28'$ kinh độ đông; Bãi Xiêm La, Siamese Shoal (A), hiện nay Trung Quốc gọi là Ximen Ansha (Tây Môn Âm Sa), nằm ở tọa độ $15^{\circ}58'$ vĩ độ bắc và $114^{\circ}04'$ kinh độ đông; Bãi Smith, Smith Shoal (A), hiện nay Trung Quốc gọi là Meixi Ansha (Mỹ Khê Âm Sa), nằm ở tọa độ $15^{\circ}27'$ vĩ độ bắc và $114^{\circ}12'$ kinh độ đông.

Cũng chưa rõ nguồn gốc tên gọi, nhưng ở Hoàng Sa còn khá nhiều bãi chỉ mới có tên gọi thông dụng theo tên quốc tế, như Bãi Hardy, Hardy Patch (A), nằm ở tọa độ $16^{\circ}05'$ vĩ độ bắc và $114^{\circ}46'$ kinh độ đông; Bãi Addington, Addington Patch (A), nằm ở tọa độ $15^{\circ}36'$ vĩ độ bắc và $114^{\circ}25'$ kinh độ đông;

Bãi Balfour, Balfour Shoal (A), nằm ở tọa độ 15°27' vĩ độ bắc và 114°00' kinh độ đông; Bãi Vọng Các, Bangkok Shoal (A), nằm ở tọa độ 16°00' vĩ độ bắc và 114°05' kinh độ đông; Bãi Bassett, Bassett shoal (A), nằm ở tọa độ 15°27' vĩ độ bắc và 114°10' kinh độ đông; Bãi Carpenter, Carpenter Shoal (A), nằm ở tọa độ 16°03' vĩ độ bắc và 114°10' kinh độ đông; Bãi Cathay, Cathay Shoal (A), nằm ở tọa độ 15°55' vĩ độ bắc và 113°58' kinh độ đông; Bãi Cawston, Cawston Shoal (A), nằm ở tọa độ 15°31' vĩ độ bắc và 113°46' kinh độ đông; Bãi Egeria, Egeria Bank (A), nằm ở tọa độ 16°01' vĩ độ bắc và 114°56' kinh độ đông; Bãi Hand, Hand Shoal (A), nằm ở tọa độ 15°59' vĩ độ bắc và 114°38' kinh độ đông; Bãi Howard, Howard Shoal (A), nằm ở tọa độ 15°51' vĩ độ bắc và 114°47' kinh độ đông; Bãi Learmonth, Learmonth Shoal (A), nằm ở tọa độ 15°42' vĩ độ bắc và 114°40' kinh độ đông; Bãi Stewart, Stewart Bank (A), nằm ở tọa độ 17°20' vĩ độ bắc và 118°50' kinh độ đông.

Ngoài tên những đá, cồn, bãi nêu trên, còn có hai bãi ngầm rất rộng liên quan khu vực quần đảo Hoàng Sa đã xác định được nguồn gốc tên gọi.

Bãi ngầm Macclesfield, Macclesfield Bank (A), hiện nay Trung Quốc gọi là Zhongsha Qundao (Trung Sa quần đảo), nằm ở tọa độ 15°50' vĩ độ bắc và 114°20' kinh độ đông chỉ gồm các bãi ngầm không có đảo, chiều dài tới hơn 100 hải lý, rộng khoảng 60 hải lý. Tên gọi Macclesfield được đặt theo tên chiếc thuyền của người Anh phát hiện ra bãi ngầm này năm 1701.⁽²¹⁾ Còn tên Trung Sa là do quan niệm của Trung Quốc về vị trí các nhóm đảo ở biển Đông.

Bãi ngầm Scarborough, Scarborough Shoal (A), hiện nay Trung Quốc gọi là Huangyan Dao (Hoàng Nham đảo), ở tọa độ 15°08' vĩ độ bắc và 117°46' kinh độ đông. Trong bãi có một ít mỏm đá cao chừng 3 mét, còn phần lớn của bãi đá ngầm nằm chìm gần mặt nước khi thủy triều dâng. Tên gọi Scarborough lấy theo chiếc thuyền bị va vào đá ngầm trong bãi vào đêm 12/9/1748.⁽²²⁾

Biển đảo Hoàng Sa thật mênh mông và chứa đựng vô vàn những điều chưa biết, ngay cả nguồn gốc và thời điểm xuất hiện tên gọi các đảo, đá, bãi trong quần đảo cũng chưa thể giải thích được hết; nhưng có một điều rất rõ là lòng mến yêu tha thiết và sự gắn bó thường xuyên, hợp pháp của người Việt Nam đối với Hoàng Sa đã có từ lâu đời, được thế giới thừa nhận và đến nay vẫn không hề thay đổi.

Huế, những ngày cuối năm 2009

N Q T T

CHÚ THÍCH

- (1) Như *Toản tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư* do Nho sinh Đỗ Bá biên soạn ở thế kỷ XVII.
- (2) Theo Nguyễn Q. Thắng, *Hoàng Sa, Trường Sa lãnh thổ Việt Nam nhìn từ công pháp quốc tế* (Tái bản), Nxb Tri Thức, TP Hồ Chí Minh, 2008, tr. 218.
- (3) Dẫn theo Thái Văn Kiểm, "Những sử liệu Tây phương minh chứng chủ quyền của Việt Nam và quần đảo Hoàng Sa - Trường Sa từ thời Pháp thuộc đến nay", *Tạp san Sử Địa*, số 29 - Đặc khảo về Hoàng Sa và Trường Sa, Sài Gòn, 1-3/1975, tr. 36.
- (4) Vũ Hữu San, *Địa lý Biển Đông với Hoàng Sa và Trường Sa*, In lần thứ ba, Đại học Stanford, Hoa Kỳ, 2007, tr. 253.

- (5) Tọa độ và diện tích của các đảo, đá, cồn, bãi thuộc quần đảo Hoàng Sa trong bài này phần lớn dựa vào tài liệu của Vũ Hữu San, Sách đã dẫn, trang 259-271 và 353-354.
- (6) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, Tập 2, Quyển VIII, tỉnh Quảng Ngãi, Viện Sử học phiên dịch và chú giải, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2006, tr. 492.
- (7) James Horsburgh, *The India directory, or, Directions for sailing to and from the East Indies, China, Australia, and the interjacent ports of Africa and South America*, VM. H. Allen & Co., London, 1852, p. 348.
- (8) James Horsburgh, op. cit, p. 348.
- (9) James Horsburgh, op. cit, p. 348.
- (10) James Horsburgh, op. cit, p. 348.
- (11) James Horsburgh, op. cit, p. 348.
- (12) James Horsburgh, op. cit, p. 349.
- (13) Jean Baptiste Nicolas Denis D'Apres de Manneville, *Instruction sur la navigation des Indes orientales et de la Chine, pour servir au Neptune Oriental*, Libraire & Imprimeur de la Marine, Paris, 1775, p. 570.
- (14) James Horsburgh, op. cit, p. 347.
- (15) Theo Jean Baptiste Nicolas Denis D'Apres de Manneville, op. cit, p. 569.
- (16) Theo James Horsburgh, op. cit, p. 347.
- (17) Dẫn theo Thái Văn Kiểm, Tài liệu đã dẫn, tr. 32.
- (18) James Horsburgh, op. cit, p. 350.
- (19) James Horsburgh, op. cit, p. 347.
- (20) James Horsburgh, op. cit, p. 348.
- (21) Jean Baptiste Nicolas Denis D'Apres de Manneville, op. cit, p. 520.
- (22) James Horsburgh, op. cit, p. 350.

TÓM TẮT

Hoàng Sa là một trong những quần đảo quan trọng của Việt Nam trên biển Đông, gắn liền chủ quyền khai thác và quản lý qua nhiều chế độ kể từ thế kỷ XVI đến nay. Bên cạnh đó, việc di chuyển bằng đường hàng hải giữa các khu vực thuộc vành đai Thái Bình Dương với Đông Nam Á, Ấn Độ, Tây Á, Địa Trung Hải và cả châu Úc từ xưa cũng thường xuyên diễn ra ở vùng biển này. Do vậy, tên gọi các đảo, đá, bãi, nhóm đảo, quần đảo có từ nhiều nguồn gốc và xuất hiện sớm muộn khác nhau. Đó cũng là lý do khiến tên các đảo ở Hoàng Sa hiện nay được gọi theo nhiều cách, và chưa ai giải thích đầy đủ nguồn gốc cũng như thời điểm xuất hiện tất cả tên gọi của các đảo.

Biển đảo Hoàng Sa thật mênh mông và chứa đựng vô vàn những điều chưa biết hết, nhưng có một điều rất rõ là lòng mến yêu tha thiết và sự gắn bó thường xuyên, hợp pháp của người Việt Nam đối với Hoàng Sa đã có từ lâu đời, được thế giới thừa nhận và đến nay vẫn không hề thay đổi.

ABSTRACT

NAMES OF ISLANDS OF PARACELS

The Paracels is one of the important archipelagoes of Vietnam in the East Sea that the nation keeps the rights to benefit from the local natural resources as well as to administrate it through different administrative regimes since the 16th century up to now. Besides, the navigations between regions in the belt of Pacific Ocean and Southeast Asia, India, Western Asia, Mediteranean region and even Australia regularly took place in this sea. Therefore, the names of the islands, rocks, beaches, groups of islands, archipelagoes... originate from various sources and put in their presence at different times. That is also the reason why the islands of the Paracels have different names nowadays and nobody has been able to point out the sources for these names as well as the time when they took form.

The Paracels and its sea is so vast and holds in itself so many secrets that have not been ciphered out by men, but the Vietnamese' love and lawful and regular attachment to it have existed for ages and been recognized by the world. This attachment have remained unchanged up to the present.